

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 01 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Kim C, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn S, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị L (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Đỗ Văn T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Châu Kim C trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Văn S chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng đến ngày 12/02/2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống gần đây, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi với nhau, đồng thời ông S không chung thủy có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, do chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 tháng nay. Hiện mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung là cháu Võ Cẩm T, sinh ngày 09/9/2003; cháu Võ Diệu T, sinh ngày 23/01/2007 và cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 22/11/2015. Cháu Võ Cẩm T đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Võ Diệu T và cháu Võ Tuấn K chưa thành niên hiện tại bà đang nuôi dưỡng hai cháu, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Nợ bà Trần Thị L (mẹ ruột bà) số tiền mượn 75.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24k. Nợ ông Đỗ Văn T (cháu ông S) số tiền mượn 45.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung để tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Võ Văn S trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà Châu Kim C về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa hai người. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông xác định thời gian chung sống gần đây, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau, ông thừa nhận trước đây ông có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 tháng nay.

Nay ông không thống nhất ly hôn với bà C, do ông vẫn còn tình cảm với bà C. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì về con chung cháu Võ Cẩm T đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết; đối với cháu Võ Diệu T và cháu Võ Tuấn K chưa thành niên hiện tại bà C đang nuôi dưỡng hai cháu, ông đồng ý để cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung để các bên tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Bà Trần Thị L trình bày:

Bà xác định trước đây bà có cho vợ chồng bà C và ông S (con ruột và con rể của bà) mượn số tiền 75.000.000 đồng và số vàng 20 chỉ vàng 24k. Từ khi mượn tiền và vàng nói trên đến nay bà C và ông S chưa trả cho bà. Nay bà chưa yêu cầu bà C và ông S trả lại cho bà số tiền và vàng mượn, để hai bên tự thỏa thuận, nếu sau này không thỏa thuận được thì bà sẽ kiện bà C và ông S tại vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Võ Văn S và ông Đỗ Văn T vắng mặt không có lý do, đối với bà Châu Kim C và bà Trần Thị L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về hôn nhân: Bà Châu Kim C và ông Võ văn S chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng đến ngày 12/02/2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông S được xác lập hợp pháp, thể hiện là hai người tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá

trình chung sống giữa bà C và ông S có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi với nhau, ông S không chung thủy, do chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 tháng nay là thực tế có xảy ra, điều này đã được hai bên thừa nhận. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay hai bên không thể dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận hàn gắn được, đối với ông S không đồng ý ly hôn với bà C nhưng trong quá trình xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay ông S cũng không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn. Điều đó chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho hai người được ly hôn là phù hợp với thực tế. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà C và ông S có 03 con chung là cháu Võ Cẩm T, sinh ngày 09/9/2003; cháu Võ Diệu T, sinh ngày 23/01/2007 và cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 22/11/2015. Cháu Diệu T và cháu Tuấn K chưa thành niên hiện tại bà C đang nuôi dưỡng hai cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của hai cháu đã ổn định, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà C. Do đó, giao cháu Diệu T và cháu Tuấn K cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Diệu T và cháu Tuấn K mà không ai được cản trở. Bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xét. Đối với cháu Cẩm T đã thành niên tự lo cho cuộc sống được nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông S xác định ông bà có nợ bà Trần Thị L số tiền 75.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24k, nợ ông Đỗ Văn T số tiền 45.000.000 đồng. Nhưng bà L chưa yêu cầu bà C và ông S trả lại số tiền và vàng nợ mà để hai bên tự thỏa thuận, ông T không có yêu cầu bà C và ông S trả số tiền nợ, do hai khoản nợ này không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với tài sản chung bà C và ông S xác định tự thỏa thuận, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 14/6/2023, bà C nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí. Ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Châu Kim C được ly hôn với ông Võ Văn S.

Về con chung: Giao cháu cháu Võ Diệu T, sinh ngày 23/01/2007 và cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 22/11/2015 cho bà Châu Kim C tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Võ Diệu T và cháu Võ Tuấn K mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Châu Kim C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 14/6/2023, bà Châu Kim C nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011262 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- UBND xã KH,
huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Việt

